

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 19/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quyết Tiến

Bà Phùng Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nông Xuân Liền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2020, tại Sân vận động Trung tâm huyện MV, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HS ngày 01/7/2020, đối với các bị cáo:

1. Thò Mí C, sinh năm 1998. Nơi ĐKKHKT: Thôn LT, xã XC, huyện MV, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Nhè T1, sinh năm 1977 và bà Sùng Thị C1, sinh năm 1978; chung sống như vợ chồng với chị Hạ Thị G1, sinh năm 1998; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

*** Nhân thân:**

- Ngày 02/10/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 10 năm tù về tội "Mua bán người" và 14 năm tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi". Tổng hợp hình phạt bị cáo Thò Mí C phải chịu hình phạt chung của cả 02 tội là 24 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST.

- Ngày 18/10/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán người" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST. (Bản án hình sự phúc thẩm số: 335/2020/HS-PT do Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử ngày 26/6/2020).

- Ngày 10/3/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 10 năm tù về tội "Mua bán người" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST.

Bị cáo bị bắt ngày 10/8/2018, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Sùng Sính P (tên gọi khác: Sùng Văn P), sinh năm 1978. Nơi ĐKHKTT: Thôn Xín Phìn Chư, xã TP, huyện MV, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Mí V1 (đã chết) và bà Chá Thị M1 (đã chết); vợ là Lầu Thị S1, sinh năm 1985; có 05 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

*** Nhân thân:** Ngày 09/7/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán người" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST.

Bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang bắt ngày 28/10/2019 do phạm một tội khác, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thò Mí C:* Luật sư Cao Xuân B1 - Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng Sính P:* Bà Nguyễn Thị Thanh H1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Vừ Thị G, sinh năm: 2000. Nơi ĐKHKTT: Thôn Khai Hoang, xã DT, huyện YM, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Vừ Thị G:* Bà Nguyễn Thị H2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà G Thị M2, sinh năm: 1967. Nơi ĐKHKTT: Thôn Khai Hoang, xã DT, huyện YM, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Vừ Mí S2. Nơi ĐKHKTT: Tổ 4, thị trấn MV, huyện MV, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018, bị cáo Thò Mí C gặp Sùng Mí T2 và xin được số điện thoại của bà Lầu Thị S, trú tại thôn Xín Phìn Chư, xã TP, huyện MV, tỉnh Hà Giang. C trực tiếp điện thoại hỏi bà Lầu Thị S "Có biết ai bên Trung Quốc mua người không? Bà S trả lời có và dặn nếu tìm được con gái trẻ, đẹp, chưa chồng thì đưa lên sẽ bán được một vạn rưỡi", thấy vậy C đồng ý và tắt điện thoại.

Đến tháng 4/2018 (*không nhớ ngày*), thông qua mạng xã hội Thò Mí C làm quen và kết bạn được với chị Vừ Thị G, C tự giới thiệu tên là “N”, nhà ở xã MD, huyện YM, tỉnh Hà Giang và thường xuyên gọi điện thoại cho chị G tán tỉnh yêu đương muốn lấy chị G làm vợ. Vừ Thị G tự giới thiệu tên mình là “D”, nhà ở xã DT, huyện YM, tỉnh Hà Giang. Đến tối ngày 02/5/2018, C gọi điện thoại rủ chị G đi chơi chợ xã Du Già, huyện YM, nhưng chị G không đồng ý nên C hẹn gặp chị G tại chợ thôn Bản Lè, xã DT, huyện YM. Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 03/5/2018, Thò Mí C một mình điều khiển xe mô tô (*không nhớ BKS*) đến thôn Bản Lè, xã DT, huyện YM thì gặp chị G cùng bà G Thị M2, (*mẹ đẻ G*) đang đi chợ. Qua chuyện trò, C nói muốn đến nhà chị G chơi, chị G đồng ý và ngồi lên xe máy cùng C đi về nhà, nhưng trên đường đi C lại đưa chị G về hướng xã Du Già, huyện YM. Thấy vậy, chị G yêu cầu C phải quay lại chợ xin phép mẹ thì chị G mới đồng ý đi, sau đó C cùng chị G quay lại chợ gặp bà Mỹ xin phép đưa chị G đi chơi một lúc sẽ quay lại, bà Mỹ tưởng thật đồng ý. C đưa chị G đi từ thôn Bản Lè, xã DT đến xã MD, huyện YM và thuê phòng 203, tầng 02 nhà nghỉ HA, nghỉ ăn cơm trưa, sau đó C gọi điện thông báo cho Lầu Thị S biết là đang đưa người lên bán. Lầu Thị S hẹn C giao người “*lúc 19-20 giờ tại khu vực mốc biên giới 462*”, xã TP, huyện MV, tỉnh Hà Giang và nói cho Sùng Sính P (*chồng S* biết rõ là “*có Thò Mí C đang đưa người lên bán*” bảo Pó đưa S đến điểm hẹn. Thấy vậy, Pó lấy xe máy chở S đến khu vực Mốc 462 chờ gặp C, rồi đi về nhà. Còn C đưa G từ nhà nghỉ HA, xã MD, huyện YM đi qua xã LP, huyện Đồng Văn, qua các địa giới thị trấn MV, xã PV, huyện MV đến điểm hẹn khu vực Mốc 462, lúc đó khoảng 20 giờ. Khi gặp nhau C và S thỏa thuận khi nào bán được chị G, S sẽ trả tiền C, còn C nói dối với chị G “*đây là cô của anh, em ở lại đây đợi anh đi gửi xe rồi quay lại...*”, nhưng thực tế C lên xe máy đi thẳng về nhà. Còn Lầu Thị S đưa chị G đi bộ lên qua đồi cách đường liên xã khoảng 200m, ẩn náu ở đó 01 ngày 02 đêm và gọi điện thoại cho Sùng Sính P mang cơm đến cho S và chị G ăn, để chờ cơ hội vượt biên sang Trung Quốc bán.

Đến ngày 05/5/2018, Lầu Thị S đưa chị Vừ Thị G đi bộ vượt biên sang Trung Quốc và bán chị G cho một người đàn ông Trung Quốc (*không rõ, họ tên, địa chỉ*) ở tỉnh Hồ Nam mua về làm vợ được số tiền là 12.000 NDT. Khoảng 2 đến 3 ngày sau, Sùng Sính P lấy xe máy chở S đến gặp C tại khu vực gần biển chỉ dẫn đi xã XC và hướng mốc 456, xã XC, huyện MV đưa cho C số tiền bán chị G là 10.000 NDT, C cầm số tiền trên đem ra thị trấn MV đổi được 34.000.000 (*ba mươi tư triệu đồng*) tiền Việt Nam rồi chi tiêu cá nhân hết.

Chị Vừ Thị G sau khi bị bán đã theo người đàn ông Trung Quốc về làm vợ, sinh sống tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Đến ngày 28/6/2019 chị G được Công an Trung Quốc giải cứu trao trả về Việt Nam qua Mốc 456 thuộc xã TP, huyện MV, tỉnh Hà Giang, sau đó chị G đến cơ quan Công an tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của Thò Mí C cùng đồng phạm.

Đối với hành vi mua bán người của Lầu Thị S, do S bỏ trốn và việc truy nã chưa có kết quả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã tách ra để giải quyết trong vụ án khác.

Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 25/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Thò Mí C , Sùng Sính P về tội "Mua bán người" theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Thò Mí C , Sùng Sính P đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, các bị cáo không bổ sung ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Thò Mí C , Sùng Sính P phạm tội "*Mua bán người*".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thò Mí C từ 10 (*mười*) năm đến 11 (*mười một*) năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Quyết định thi hành án phạt tù số 52/2020/QĐ-CA ngày 15/4/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, buộc bị cáo Thò Mí C phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 10/8/2018).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng Sính P từ 08 (*tám*) năm đến 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của chị Vừ Thị G, buộc các bị cáo C , P phải liên đới bồi thường cho chị G số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự , đề nghị truy thu số tiền 10.000 CNY x 3.546,06VND = 35.460.000đ (*làm tròn*) sung vào ngân sách nhà nước do bị cáo C phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

Luật sư Cao Xuân B1 bào chữa cho bị cáo Thò Mí C trình bày: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo Thò Mí C . Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Thanh H1 bào chữa cho bị cáo Sùng Sính P trình bày: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Sùng Sính P. Về mức hình phạt, do bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò không đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên và miễn án phí cho bị cáo P, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị H2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Vũ Thị G trình bày: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Vũ Thị G số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Trong phần tranh luận bị cáo Thò Mí C nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên; lời bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung thêm. Bị cáo Sùng Sính P cho rằng mức hình phạt từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù là quá cao nhưng bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết gì mới và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác so với đề nghị của Kiểm sát viên.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Thò Mí C, Sùng Sính P đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thể hiện như: Các biên bản xác định hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường (*bút lục từ 21 đến 28; từ 36 đến 44; từ 45 đến 51*); biên bản, bản ảnh bị cáo nhận dạng bị hại, nhận dạng đồng phạm và biên bản, bản ảnh bị hại nhận dạng bị cáo (*bút lục từ 202 đến 206; từ 224 đến 232; từ 167 đến 169; và từ 175 đến 179*)...

[4] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định do hám lời bắt C nên bị cáo Thò Mí C có ý định lừa gạt những người con gái nhẹ dạ, cả tin để đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền tiêu xài.

[5] Để thực hiện được hành vi phạm tội, bị cáo đã gọi điện trao đổi với Lâu Thị S, được S nhận lời khi nào bị cáo tìm được con gái trẻ đẹp thì đưa đến gặp S để S trực tiếp đưa bị hại sang Trung Quốc bán.

[6] Thông qua mạng xã hội để làm quen tán tỉnh yêu đương, đến ngày 03/5/2018 Thò Mí C gặp bị hại là chị Vũ Thị G, sau đó bị cáo gọi điện cho Lâu

Thị S và thống nhất gặp S tại khu vực mốc 462 thuộc địa phận xã TP, huyện MV, tỉnh Hà Giang để giao chị G cho S.

[7] Khoảng 20 giờ cùng ngày, C gặp S, S nói lúc nào bán được chị G, S sẽ trả tiền C, C đồng ý rồi nói dối S là cô của C, C đi gửi xe rồi quay lại với chị G, nhưng thực tế C lên xe máy đi thẳng về nhà.

[8] Còn Lầu Thị S đưa chị Vừ Thị G đi bộ lên quả đồi cách đường liên xã khoảng 200m ẩn náu ở đó 01 ngày 02 đêm, để chờ cơ hội vượt biên sang Trung Quốc bán chị G.

[9] Đến ngày 05/5/2018, Lầu Thị S đưa Vừ Thị G đi bộ vượt biên sang Trung Quốc và bán chị G cho một người đàn ông Trung Quốc ở tỉnh Hồ Nam mua về làm vợ được số tiền là 12.000 NDT, khoảng 2 đến 3 ngày sau S đã tìm gặp C đưa cho C số tiền 10.000NDT.

[10] C cầm số tiền bán chị G đem ra thị trấn MV đổi được 34.000.000 (ba mươi tư triệu đồng) tiền Việt Nam rồi chi tiêu cá nhân hết.

[11] Đối với hành vi phạm tội của Sùng Sính Pó, Pó là người dùng xe mô tô đưa Lầu Thị S đến gặp C và chị G tại khu vực biên giới, trong thời gian chưa vượt biên được Pó mang cơm đến cho S và chị G ăn; khi S bán được bị hại, Pó tiếp tục đèo S đến gặp C để giao tiền cho C.

[12] Do đó, hành vi của các bị cáo Thò Mí C, Sùng Sính P đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán người*", với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt "*Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 08 (tám) đến 15 (mười lăm) năm tù.

[13] Đối với Lầu Thị S là người trực tiếp đưa chị G sang Trung Quốc bán, sau khi có quyết định khởi tố bị can, S đã bỏ trốn khỏi địa phương; việc truy nã bị can chưa có kết quả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã tách hành vi của S để xử lý trong vụ án khác là đúng quy định của pháp luật.

[14] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[15] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo; là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[16] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sự kém hiểu biết của những người phụ nữ trẻ, nhẹ dạ cả tin để đưa họ sang Trung Quốc bán lấy tiền chi tiêu.

[17] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người, đặc biệt là phụ nữ, là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh C trị giữa 02 nước Việt Nam - Trung Quốc.

[18] Những năm gần đây, tình hình tội phạm “Mua bán người” tại các huyện vùng cao phía Bắc của tỉnh Hà Giang ngày một gia tăng, vì vậy cần phải xử lý các bị cáo mức án thật nghiêm khắc, có như vậy mới đủ thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa phương.

[19] Vụ án này có nhiều người tham gia thực hiện hành vi đưa chị G đi bán, thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự.

[20] Tuy nhiên, căn cứ vào diễn biến của vụ án thể hiện những người tham gia thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[21] Đối với bị cáo Thò Mí C là người có nhân thân rất xấu, trước khi vụ án này được đưa ra xét xử, bị cáo đã từng 3 lần bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang kết án về các tội "Mua bán người" và "Mua bán người dưới 16 tuổi", với mức hình phạt chung của các bản án đã tuyên là 30 năm tù.

[22] Trong vụ án này bị cáo được đánh giá là người giữ vai trò C, trực tiếp lừa gạt, dụ dỗ bị hại G, dùng xe mô tô đưa chị G lên mốc biên giới 462 thuộc địa phận xã TP, huyện MV để giao cho S đưa bị hại sang Trung Quốc bán, được hưởng lợi 10.000NDT nên khi quyết định hình phạt cần phải xử lý bị cáo C mức án cao hơn so với bị cáo Pó và tổng hợp hình phạt đối với các bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[23] Đối với bị cáo Sùng Sính P là người thực hành tội phạm, mặc dù không được bàn bạc với Thò Mí C, nhưng do bị cáo và Lầu Thị S là vợ chồng nên khi nghe S kể việc S và C sẽ đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán, bị cáo không phản đối mà dùng xe mô tô đưa Lầu Thị S đến mốc biên giới 462 để S gặp C và bị hại.

[24] Trong thời gian S chờ người Trung Quốc đến đón, Pó đã đưa cơm cho S và chị G ăn; khi S bán được chị G cho 1 người đàn ông Trung Quốc bị cáo đã trở S đến gặp C giao số tiền 10.000NDT.

[25] Bản thân Pó là người có nhân thân xấu, ngày 09/7/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán người", do đó sau khi Bản án số 13/2020/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Bản án số 23/2020/HSST ngày 19/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang có hiệu lực, sẽ được tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án theo quy định của pháp luật.

[26] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[27] Đối với luận cứ của Luật sư Cao Xuân B1, bào chữa cho bị cáo Thò Mí C đề nghị xử phạt bị cáo C mức án theo đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc quyết định

hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và miễn án phí cho bị cáo C theo đề nghị của Luật sư.

[28] Đối với luận cứ của Trợ giúp viên Nguyễn Thị Thanh H1, bào chữa cho bị cáo Sùng Sính P đề nghị xử phạt bị cáo Pó 08 (*tám*) năm tù là phù hợp với vai trò của bị cáo và cần miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Pó theo đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý.

[29] Đối với ý kiến của Trợ giúp viên Nguyễn Thị H2, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Vũ Thị G về việc đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về số tiền các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[30] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra bị hại Vũ Thị G yêu cầu các bị cáo Thò Mí C , Sùng Sính P bồi thường cho chị tổng số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*); trong đó bồi thường tổn thất về tinh thần 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*), các khoản chi phí, công đi tìm 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

[31] Tại phiên tòa, mỗi bị cáo nhất trí bồi thường cho chị G số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), tổng là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*); xét thấy sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của họ trong bản án.

[32] Về xử lý vật chứng: Số tiền 10.000NDT được hưởng lợi, ngay sau khi phạm tội bị cáo Thò Mí C đã đổi sang tiền Việt Nam được 34.000.000đ (*ba mươi tư triệu đồng*) nhưng bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

[33] Tuy nhiên, căn cứ vào Văn bản số 577/HAG-TH ngày 14/5/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang thể hiện, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam (VND) so với đồng Nhân dân tệ (CNY) tại thời điểm các bị cáo phạm tội là: 1CNY = 3.546,06 VND (một CNY đổi được ba nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng không hào sáu xu VND), do đó số tiền bị cáo bị truy thu là 10.000CNY x 3.546,06 VND, làm tròn là 35.460.000đ (*ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

[34] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; đề nghị của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý và bị cáo tại phiên tòa, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thò Mí C , Sùng Sính P (*tên gọi khác: Sùng Văn Pó*) phạm tội "Mua bán người".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thò Mí C, xử phạt bị cáo Thò Mí C 10 (mười) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 30 năm tù tại Quyết định thi hành án phạt tù số: 52/2020/QĐ-CA ngày 15/4/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, buộc bị cáo Thò Mí C phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 10/8/2018).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sùng Sính P, xử phạt bị cáo Sùng Sính P 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù. *(Do bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang bắt về một tội khác và đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 592 Bộ luật Dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, các bị cáo Thò Mí C, Sùng Sính P phải liên đới bồi thường cho bị hại Vũ Thị G số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*. Trong đó: Bị cáo Thò Mí C bồi thường cho chị Vũ Thị G 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*. Bị cáo Sùng Sính P bồi thường cho chị Vũ Thị G 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, truy thu vào ngân sách nhà nước số tiền 35.460.000đ *(ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)* do bị cáo Thò Mí C phạm tội mà.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm f khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- PC 02, PV 06, PC 11 CA tỉnh Hà Giang;
- Tòa án ND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Vương Thị Thu Hà

